

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2025/HS-PT

Ngày: 29/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Phương Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**
Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 193/2025/TLPT-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thế N, do có kháng cáo của bị cáo Lê Thế N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2025/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9), tỉnh Thanh Hóa; đối với bị cáo:

1. Lê Thế N, sinh ngày 06/11/2005, CCCD số: 038205026349; danh bản, chỉ bản số 45 lập ngày 15/4/2025 tại PV06 Công an tỉnh T; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế A và bà Lê Thị Q; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Thế N:** Luật sư Đoàn Trí P - Văn phòng L - Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Địa chỉ: Số D đường số A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị hại:** Anh Bùi Hữu N1, sinh năm 2009; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người đại diện hợp pháp cho bị hại:** Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1968 và bà Dương Thị C, sinh năm 1972; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Lê Thế N đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 15 của Bùi Hữu N1 (sinh năm 2009, trú tại tổ dân phố T, phường H, thị xã N) và rủ Tô Văn T2 cùng tham gia. T2 đồng ý, đồng thời cung cấp cho N mật khẩu điện thoại của N1 là 1212 mà T2 biết trước đó.

Đến sáng ngày 25/3/2025, khi N1, T2 và Nguyễn Văn M (sinh năm 2008, trú tại tổ dân phố T, phường H, thị xã N) đang ở nhà của Nguyễn Quang A1 ở tổ dân phố T, phường H, thì N đến định nhờ N1 chở đi làm. Do N1 đang còn nằm ngủ, nên T2 điều khiển xe máy chở N cùng với M đến công ty G. Khi đến nơi, thấy đã muộn giờ làm nên cả ba quay về. Khi về đến nhà Quang A1 thì N, T2, M ngồi hút thuốc ở dưới sân, lúc này N1 và Quang A1 vẫn còn đang nằm ngủ. N đưa cho M 20.000 đồng, bảo M đi mua nước, mục đích để M đi chỗ khác để có cơ hội thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của N1 đang cắm sạc ở đầu giường, tuy nhiên M không đi mà ngồi sử dụng điện thoại. Thấy vậy, T2 đi lại đầu giường ngủ rút chân sạc, lấy trộm chiếc điện thoại của N1 đem ra đưa cho N. N cầm điện thoại bỏ vào túi áo rồi bảo T2 đi về, M cũng xin đi cùng. T2 điều khiển xe máy chở N và M ra về, khi đi đến quán I ở tổ dân phố T, phường H, thị xã N, N xuống xe đi vào quán nét, còn T2 chở M về nhà. Khi vào trong quán nét, N dùng mật khẩu mà T2 cung cấp trước đó mở chiếc điện thoại trộm cắp, rồi đổi mật khẩu máy thành 033699, sau đó N đi bộ đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Nguyễn Văn T1 ở tổ dân phố T, phường H để bán điện thoại. Tại đây, anh T1 hỏi về nguồn gốc điện thoại, thì N nói dối là máy của mình, do cần tiền nên đem bán, đồng thời N mở mật khẩu của máy, thoát tài khoản Icloud cho T1 xem. Thấy vậy, anh T1 không nghi ngờ gì mà đưa cho N 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) nói với N khi nào có thì đến trả lại tiền và lấy máy. N nhận tiền rồi đi đến sân bóng Thanh Đ, thấy T2 đi xe máy qua, N gọi dừng lại, nhưng do buồn ngủ nên T2 không dừng mà đi về nhà Quang A1 để ngủ. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, N gặp N1 ở quán I tại đây, N đã lấy 2.100.000 đồng từ số tiền cầm máy điện thoại trộm cắp để trả nợ cho N1, số còn lại N sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2025, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND thị xã N xác định:

“01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu xanh ngọc, 128 GB, gắn sim số: 0379.215.941, số IMEL: 353927420201003, số IMEL2: 353927420201177, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá có giá trị 13.800.000 đồng).”

Quá trình điều tra, Lê Thế N và Tô Văn T2 đã thành khẩn khai báo hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và đồng phạm như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Nguyễn Văn T1, quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố chiếc điện thoại, anh T1 không biết đây là điện thoại do Lê Thế N trộm cắp mà có và sau khi biết thông tin về chiếc điện thoại anh T1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra nên anh T1 không phạm tội.

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, quá trình điều tra còn xác định, Tô Văn T2 còn có hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ khi không có giấy phép lái xe theo quy định và Lê Thế N có hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ, vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông đường bộ. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T xem xét xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 15, màu xanh ngọc T1 đã nhận cầm cố của Lê Thế N cho Cơ quan điều tra.

Sau khi xác minh, làm rõ nguồn gốc tài sản và phục vụ việc định giá, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho Bùi Hữu N1, là chủ sở hữu tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Bùi Hữu N1 đã được nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm về dân sự. Anh Nguyễn Văn T1 đã được Lê Thế N trả lại số tiền mà anh đã bỏ ra cầm cố điện thoại trộm cắp nên cũng không có yêu cầu đề nghị về dân sự.

* Tại Bản án số 71/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 17/2025/TB-TA ngày 24/6/2025 của Tòa án thị xã Nghi Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9), tỉnh Thanh Hóa quyết định:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thế N.

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Điều 118, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Tô Văn T2.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thế N và Tô Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thế N 09 (chín) tháng tù. Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Bị cáo Tô Văn T2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 23/6/2025, bị cáo Lê Thế N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thế N; sửa Bản án số 71/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án thị xã Nghi Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9), tỉnh Thanh Hóa theo hướng: Giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù và cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Bị cáo N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Bị cáo N thống nhất nội dung phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; không có tranh luận gì.

* Ý kiến của Luật sư: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có đơn xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có nhân thân tốt; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”, vì Tô Văn T2 là người cung cấp mật khẩu điện thoại cho N và T2 cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm chiếc điện thoại để đưa cho N.

Vì bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thế N làm đúng theo quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, xét xử sơ thẩm, phù hợp với kết luận định giá và các tài liệu khác thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Lê Thế N đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 15 của Bùi Hữu N1 và rủ Tô Văn T2 cùng tham gia. T2 đồng ý, đồng thời cung cấp cho N mật khẩu điện thoại của N1 là 1212 mà T2 biết trước đó.

Vào khoảng 07 giờ 30 ngày 25/3/2025, tại nhà Nguyễn Quang A1 ở tổ dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Lê Thế N và bị cáo Tô Văn T2 đã lén lút trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 của Bùi Hữu N1 có giá trị là 13.800.000đ (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi trộm cắp được điện thoại, N đem đi cầm cố lấy 6.500.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thị Nghi Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9), tỉnh Thanh Hóa đã xét xử bị cáo Lê Thế N và Tô Văn T2 về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; để quyết định mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo Lê Thế N là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo N xuất trình bày điều kiện hoàn cảnh khó khăn, xin được hưởng án treo, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị hại anh Bùi Hữu N1 có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt; không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện bị cáo tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thế N; sửa Bản án số 71/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án thị xã Nghi Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9), tỉnh Thanh Hóa; giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thế N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thế N 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thế N cho UBND phường T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước đó và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

* Án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Thế N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS,TA,THAHS, THADS khu vực 9, tỉnh Thanh Hóa;
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HC-TP
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hiệu

